TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C.H** **TỈNH T.Q.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày 06/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C.H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hồ Hữu Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Phượng
2. Bà Tưởng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.H tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Minh Tú, Kiểm sát viên VKSND huyện C.H

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C.H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Quan Văn L., sinh ngày 25/01/1981; Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn O.C., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q.; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Quan Văn Ch., sinh năm 1961 và bà Phùng Thị V., sinh năm 1960; vợ: Quan Thị Ch., sinh năm 1980; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Quan Văn Ng., sinh ngày 05/5/1972; Nơi ĐKHKTT, chỗ ở: Thôn O.C., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q.; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông Quan Văn T., sinh năm 1941 và bà Quan Thị Đ., sinh năm 1939 (đã chết); vợ: Quan Thị Th., sinh năm 1972; có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2013; Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Quan Văn L. và Quan Văn Ng.: Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.Q., có mặt tại phiên tòa.

* Đại diện hợp pháp của người bị hại: Quan Văn K., sinh năm 1970; trú tại: Thôn Phổ V., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q.. (Có mặt)

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Quan Thị Thu Th., sinh năm 2005. Người đại diện hợp pháp: Quan Văn Nhượng là bố đẻ của Quan Thị Thu Th.. (Đều có mặt)

2. Quan Thị Ch., sinh năm 2005. Người đại diện hợp pháp: Quan Văn Ch. là ông nội của Quan Thị Ch. (Đều có mặt)

Cùng trú tại: Thôn O.C., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q..

* Người làm chứng:

1. Quan Văn V., sinh năm 1965. (có mặt)

2. Quan Văn P., sinh năm 1956. (có mặt)

3. Quan Văn L., sinh năm 1990. (vắng mặt)

4. Quan Thị Thủy, sinh năm 1972. (có mặt)

5. Quan Văn Tiến, sinh năm 1951. (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn O.C., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 15/5/2017, Quan Văn L., trú tại thôn O.C., xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q. đang ở nhà ông Quan Văn P. cùng thôn thấy con gái là Quan Thị Ch. sinh năm 2005 và 2 cháu là Ma Thị Thúy M. sinh năm 2005 trú tại thôn T.L., xã T.M, Quan Thị Thu Th. sinh năm 2005 trú tại thôn O.C., xã T.M đến nhờ L. dùng thuyền đưa qua suối để đi lên trường Trung học cơ sở xã T.M tập đồng diễn chuẩn bị cho Đại hội thể dục thể thao của xã T.M.

L. sang nhà Quan Văn Ng. cùng thôn mượn thuyền. Khi đến nhà Quan Văn Ng., Quan Văn L. hỏi "Chú Ng. ơi cho cháu mượn thuyền", Ng. trả lời "lấy thôi" và chỉ chỗ để chìa khóa buộc dây neo thuyền để trên quầy bán hàng dưới nhà bếp gia đình Quan Văn Ng. (Ng. biết L. không có chứng chỉ, chứng nhận hay bằng lái về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy), lấy chìa khóa L. cùng các cháu Th., M., Ch. đi xuống bờ nơi Ng. neo thuyền lấy thuyền, và cho Th., M., Ch. lên thuyền, L. ngồi cuối

thuyền điều khiển máy nổ cole, tiếp đến là cháu Th., M., Ch., trên thuyền không có phao cứu sinh (cả 3 cháu đều ngồi xổm). L. nổ máy cole, nước to, chảy xiết, L. điều khiển thuyền đi ngược lên bến T.G. cách vị trí neo thuyền khoảng 100m để đi ngang sang bờ phía thôn Th.B., xã T.M, khi lên cách đường xuống bến T.G. khoảng 20m, cách bờ 12m, thì cánh quạt của cole bị mắc vào một đầu dây dứa màu trắng buộc neo cầu phao đang chìm dưới nước còn đầu dây kia buộc cố định, cole bị tắt động cơ, thuyền quay ngang và lật úp làm tất cả mọi người trên thuyền đều bị rơi xuống nước, cháu Quan Thị Ch. và Quan Thị Thu Th. bám được một đoạn dây thừng, còn cháu M. bị nước cuốn trôi và chìm đến 21 giờ 30 phút ngày 16/5/2017 thì phát hiện thi thể cháu Ma Thị Thúy M. chết cách nơi xảy ra lật, đắm thuyền khoảng 600m về phía hạ lưu.

Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 110/TT17 ngày 10/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T.Q. kết luận: Nguyên nhân cháu Ma Thị Thúy M. chết do bị ngạt nước.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là tại khu vực suối thuộc thôn O.C., xã T.M, huyện C.H.. Dòng suối đang ở mức lũ, nước dâng cao, đục. khoảng cách từ mép bờ thôn O.C. đến mép bờ thôn Th.B. là 53m, dòng nước chảy xiết.

Kết quả khám nghiệm phương tiện Quan Văn L. điều khiển có đặc điểm: Thuyền được làm bằng gỗ 03 khoang, được sơn màu xanh, thuyền cũ đã qua sử dụng, dài 5,8m, lòng mặt thuyền rộng nhất là 1m, đáy thuyền rộng nhất là 78cm, lòng thuyền sâu 38cm, phía đuôi thuyền có bố trí tay chèo hai bên và 01 máy cole nhãn hiệu HONDA GX200, sơn màu đỏ, trắng, máy cole cũ đã qua sử dụng, có dung tích xi lanh GX2000-196cm3, có tay giữ lái và trục cánh quạt đẩy, phần tay lái được làm bằng ống sắt tròn có đường kính 2cm được uốn cong thành hình chữ U dài 75cm, rộng 25cm. Phần trục cánh quạt bằng sắt dài 2,2m, đường kính 4cm, cánh quạt loại hai cánh đối dài 20cm, rộng 6cm, trên thuyền không có vạch sơn mớm nước an toàn, không có áo phao hay dụng cụ cứu sinh, không có chỗ ngồi cân bằng. Hậu quả cháu Ma Thị Thúy M. chết, vi phạm điều 80, điều 24 Luật giao thông đường thủy nội địa.

Tại phiên tòa các bị cáo Quan Văn L., Quang Văn Ng. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không phát sinh tình tiết mới.

Đại diện hợp pháp của người bị hại Quan Văn K. không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quan Thị Ch. (do ông Quan Văn Ch. là người đại diện), Quan Thị Thu Th. (do anh Quan Văn Nh. là người đại diện) đều không có ý kiến gì khác.

Bản Cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT ngày 22/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.H đã truy tố Quan Văn L. về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 272 Bộ luật hình sự năm 2015(đã sửa đổi năm 2017, viết tắt là BLHS 2015); Quan Văn Ng. về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo điểm a khoản 1 Điều 276 BLHS 2015.

Tại phiên tòa này, sau khi công bố Cáo trạng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 212 BLHS 1999 thay điều 272 BLHS 2015 đối với bị cáo Quan Văn L.; áp dụng Điều 215 BLHS 1999 thay Điều 276 BLHS 2015 đối với bị cáo Quan Văn Ng.. Các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhất trí nội dung thay đổi của Kiểm sát viên, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Quan Văn L. về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy"; Quan Văn Ng. về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy". Đề nghị HĐXX:

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 212 BLHS 1999; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quan Văn L. từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 215 BLHS 1999; các điểm b, i, x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quan Văn Ng. từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại bị cáo Quan Văn Ng. 01 thuyền gỗ dài 5,8m; 01 máy cole nhãn hiệu HONDA GX200, sơn màu đỏ, trắng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng màu trắng, dài 23m, đường kính 1,3cm.

Ngoài ra đề nghị HĐXX buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên bào chữa cho các bị cáo có quan điểm: Nhất trí với tội danh mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.H đã truy tố. Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội là phạm tội lần đầu, với lỗi vô ý; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hai gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phía đại diện gia đình người bị hại đã có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo,

tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm; ngoài ra các bị cáo còn là dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Riêng bị cáo Quan Văn Ng. có bố Quan Văn T. được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, có ông nội Hoàng Văn Mậu là liệt sỹ. Bị cáo Quan Văn L. thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn. Do vậy, đề nghị HĐXX:

- Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS 2015 miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Trường hợp HĐXX không nhất trí với quan điểm áp dụng khoản 3 Điều 29 thì đề nghị: Áp dụng điểm a Điều 212 BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Quan Văn L. mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Áp dụng khoản 1 Điều 215 BLHS 1999; các điểm b, x, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 31 BLSH 2015 xử phạt bị cáo Quan Văn Ng. mức khởi điểm của khung hình phạt cải tạo không giam giữ.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai và ý kiến của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

(1) Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

(2) Về tội danh và áp dụng pháp luật: Tại Cáo trạng số 02/QĐ-KSĐT ngày 22/01/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C.H truy tố bị cáo Quan Văn L. về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 272 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Quan Văn Ng. về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo điểm a khoản 1 Điều 276 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội danh, theo quy định tại Điều 24 và Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa thì phương tiện mà Quan Văn L. sử dụng không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định, không được kiểm định chất lượng, điều kiện vận chuyển đường thủy nhưng sử dụng để vận chuyển người và không có phương tiện bảo hộ, bảo đảm an toàn cho hành khách, bản thân Quan Văn L. là người lái phương tiện nhưng chưa được học tập pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa và chưa được cấp giấy chứng nhận hoặc có một trong các chứng chỉ, chứng nhận quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa.

Đối với Quan Văn Ng. cho Quan Văn L. sử dụng phương tiện khi biết rõ là người không được tập huấn, cấp giấy chứng nhận về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy theo quy định, không đủ điều kiện vận tải đường thủy nhưng vẫn cho sử dụng.

Do đó, Viện kiểm sát truy tố Quan Văn Ng. và Quan Văn L. về các tội danh như đã nêu trên là có căn cứ.

Về so sánh pháp luật, do hành vi phạm tội trong vụ án này các bị cáo đã thực hiện trước ngày 01/01/2018, khi so sánh, đối chiếu các điều luật tương ứng nhận thấy: Đối với Quan Văn L. theo quy định tại Điều 212 BLHS 1999, hình phạt nhẹ nhất quy định tại khoản 1 có hình phạt chính là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 5 năm, hình phạt nặng nhất quy định tại khoản 3 bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm; theo quy định tại Điều 272 BLHS năm 2015 thì hình phạt nhẹ nhất quy định tại khoản 1 có hình phạt chính nhẹ nhất là phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm, hình phạt nặng nhất quy định tại khoản 3 có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, từ so sánh nêu trên, Điều 212 BLHS 1999 và điều 272 BLHS 2017 có mức hình phạt cao nhất bằng nhau, nhưng mức hình phạt chính nhẹ nhất quy định tại Điều 212 BLHS 1999 nhẹ hơn, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì Quan Văn L. được Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 212 BLHS 1999 là đúng.

Đối với Quan Văn Ng., với cách so sánh như trên, mức hình phạt chính cao nhất quy định tại khoản 3 Điều 215 và khoản 3 Điều 276 bằng nhau, nhưng mức hình phạt chính nhẹ nhất quy định tại khoản 1 Điều 215 nhẹ hơn mức hình phạt chính nhẹ nhất quy định tại khoản 1 Điều 276, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì bị cáo Quan Văn Ng. được đề nghị xét xử theo khoản 1 Điều 215 BLHS 1999 là đúng.

(3) Về tình tiết định khung hình phạt: Đối với Quan Văn L. sử dụng phương tiện biết rõ là không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định, không được kiểm định chất

lượng, bản thân Quan Văn L. chưa được học tập pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa và chưa được cấp giấy chứng nhận và không có một trong các chứng chỉ, chứng nhận quy định tại Điều 35 Luật Giao thông đường thủy nội địa, nên bị xét xử theo khoản 2 Điều 212 BLHS 1999.

Đối với Quan Văn Ng., hành vi của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm, không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 215 Bộ luật Hình sự 1999 có mức án nhẹ nhất thấp hơn, nhưng mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 276 BLHS2015 đến 3 năm tù nên Quan Văn Ng. được coi là phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

(4) Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Quan Văn Ng., Quan Văn L. thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi xảy ra tai nạn đã tự nguyện hỗ trợ gia đình người bị hại 70.000.000 đồng và 139 kg lợn hơi, được gia đình người bị hại ghi nhận, không yêu cầu bồi thường thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 và tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Ngoài ra đối với bị cáo Quan Văn Ng. lần phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, có ông nội là liệt sỹ được Tổ quốc ghi công nên được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm i, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Xét thấy bị cáo Quan Văn L. phạm tội gây mức độ thiệt hại thuộc quy định tại khoản 1 điều 212 BLHS 1999, nhưng do yếu tố chủ thể nên bị truy tố theo khoản 2 Điều 212 BLHS 1999, Quan Văn L. lái thuyền đi dọc dòng nước đến khi mắc phải dây chìm dưới nước không nhìn thấy mới bị quay ngang dẫn đến lật thuyền gây chết người, nên được coi là có yếu tố khách quan, ngoài ra bị cáo L. có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét cho bị cáo chịu mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại điều 54 BLHS 2015 là hợp lý.

Đối với bị cáo Quan Văn Ng. bị truy tố về tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy" theo khoản 1 Điều 215 BLHS 1999 là tội ghép, được BLHS 2015 tách thành tội danh riêng quy định tại khoản 1 Điều 276 là phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không thuộc trường hợp là người có thẩm quyền giao việc, mà thực hiện dưới hình thức cho Quan Văn L. mượn sử dụng loại phương tiện không thuộc loại chuyên dụng, khi giao phương tiện không xác định mục đích sử dụng để chở người, nhưng biết rõ các dấu hiệu về người sử dụng

là không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nên đủ căn cứ định tội, xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như đối với Quan Văn L., bị cáo còn có thân nhân là người có công, được Nhà nước ghi nhận, nên Quan Văn Ng. thỏa mãn điều kiện cho áp dụng loại hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 215 BLHS 1999. Do bị cáo sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng loại hình phạt tiền và không khấu trừ thu nhập, mà phải áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ với mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo.

(5) Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C.H đã tạm giữ 01 đoạn dây thừng dây dứa màu trắng, dài 23m, đường kính 1,3cm, dây cũ đã qua sử dụng; 01 thuyền gỗ dài 5,8 mét; 01 máy cole nhãn hiệu HONDA GX200, sơn màu đỏ, trắng. Sau khi khám nghiệm, ngày 23.5.2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C.H đã giao thuyền gỗ và máy cole nêu trên cho Quan Văn Ng. quản lý chờ giải quyết.

Xét giá trị sử dụng của vật chứng tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng (dây dứa) màu trắng, dài 23m, đường kính 1,3cm, dây cũ đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo Quan Văn Ng. 01 thuyền gỗ dài 5,8 mét; 01 thuyền gỗ dài 5,8 mét; 01 máy cole nhãn hiệu HONDA GX200, sơn màu đỏ, trắng.

Đối với đề nghị của người bào chữa áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS 2015 miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. HĐXX xét thấy trước yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm việc xử lý các đối tượng vi phạm quy định của pháp luật là một nhiệm vụ chính trị tại địa phương, bản thân Quan Văn L. không có đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy nhưng vẫn điều khiển thuyền chở người, Quan Văn Ng. biết L. không đủ điều kiện điều khiển thuyền nhưng vẫn giao cho L. thuyền, dẫn đến hậu quả chết một người. Do vậy để giữ vững trật tự an toàn xã hội tại địa phương cần thiết phải xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật của các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo Quan Văn L. phạm tội không có có tính chất vụ lợi; bị cáo Quan Văn Ng. phạm tội không thuộc trường hợp vi phạm quy tắc nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Quan Văn L.:

Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 212 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Quan Văn L. phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy".

- Xử phạt: Bị cáo Quan Văn L. 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

1.2. Đối với bị cáo Quan Văn Ng.:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 215 BLHS 1999; khoản 3 Điều 7; các điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Quan Văn Ng. phạm tội "Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường thủy".

- Xử phạt: Bị cáo Quan Văn Ng. 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Quan Văn Ng..

Giao cho UBND xã T.M, huyện C.H, tỉnh T.Q. quản lý, theo dõi thi hành án theo quy định tại Điều 18 Luật thi hành án Hình sự. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày UBND xã T.M, huyện C.H nhận được quyết định Thi hành bản án có hiệu lực pháp luật của bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây thừng (dây dứa) màu trắng, dài 23m, đường kính 1,3cm, dây cũ đã qua sử dụng. (Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/01/2018 giữa Cơ quan điều tra công an huyện C.H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.H).

- Trả lại cho bị cáo Quan Văn Ng. 01 thuyền gỗ dài 5,8 mét; 01 thuyền gỗ dài 5,8 mét; 01 máy cole nhãn hiệu HONDA GX200, sơn màu đỏ, trắng (Đã được giao cho bị cáo Quan Văn Ng. thể hiện tại Biên bản giao tang vật, phương tiện ngày 23/5/2017).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH khóa 14: Bị cáo Quan Văn L. phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Quan Văn Ng. phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án áp dụng điểm m khoản 2 Điều 61; Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Các bị cáo, đại diện người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản

án có liên quan trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/02/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Hữu Việt

Nơi nhận:
- TANDTỉnh;
- VKSNDtỉnh,huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án huyện;
- Sở tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; THAHS.